

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Anh;

2. Ông Bùi Văn Liên;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1974; trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Ông Hà Văn T, sinh năm 1974; trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Hà Thị H trình bày: Bà H với ông Hà Văn T tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống với nhau từ năm 1993. Đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cãi cọ, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước đây bà H đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết ly hôn với ông T nhưng sau đó bà H đã rút yêu cầu vì muốn cho ông T có cơ hội để sửa đổi. Tuy nhiên, từ đó cho tới nay ông T không thay đổi. Vì vậy, bà H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết cho ly hôn với ông Hà Văn T.

Về con chung: 03 con chung, cụ thể: Cháu Hà Thị H1, sinh năm 1994; cháu Hà Thu H2, sinh năm 1997 và cháu Hà Thanh H3, sinh năm 2001, các con chung phát triển bình thường và hiện tại đều đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước ngày mở phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hà Văn T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân đúng như bà Hà Thị H đã trình bày. Ông T với bà H tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1993. Đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, ông T đã cố gắng níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành.

Về con chung: 03 con chung, cụ thể: Cháu Hà Thị H1, sinh năm 1994; cháu Hà Thu H2, sinh năm 1997 và cháu Hà Thanh H3, sinh năm 2001, các con chung phát triển bình thường và hiện tại đều đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo dựng một số tài sản chung. Tuy nhiên, vì giấy tờ về đất đai chưa rõ ràng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà Hà Thị H khởi kiện ly hôn thì ông T đồng ý ly hôn với bà H nhưng với điều kiện chị H phải từ bỏ tất cả, không tranh giành tài sản về sau. Còn nếu bà H tranh giành tài sản thì ông T không đồng ý ly hôn với bà H.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị H với ông Hà Văn T.

Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nợ chung là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn nên nguyên đơn bà Hà Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập

có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện “Ly hôn” và bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông T cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/7/2005. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà H với ông T là hợp pháp. Vì vậy, bà Hà Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong gia đình, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản xác minh ngày 14/3/2024 tại Chi hội phụ nữ thôn C, xã Đ, huyện N xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông T có mâu thuẫn, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hơn nữa, tại phiên tòa ông T thừa nhận có hành vi đánh bà H. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc nhưng bà H với ông T thường xuyên mâu thuẫn, to tiếng trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân bà H với ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà H với ông T có 03 con chung, cụ thể: Cháu Hà Thị H1, sinh năm 1994; cháu Hà Thu H2, sinh năm 1997 và cháu Hà Thanh H3, sinh năm 2001. Các con chung phát triển bình thường và hiện tại đều đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước ngày mở phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị H. Bà Hà Thị H có quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bằng một vụ án riêng.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn nên nguyên đơn bà Hà Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Hà Thị H là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn giảm án phí. Do đó, miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Hà Thị H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H về việc “Ly hôn”. Bà Hà Thị H được ly hôn với ông Hà Văn T.
2. Về con chung: Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra để xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Nguyên đơn bà Hà Thị H được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
-;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Xuân Hải